

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Algeria năm 2018

| Mặt hàng | Kim ngạch (USD) |
|--|------------------------|
| Đá chương 68 | 29,922 |
| Cà phê | 132,478,044 |
| Nhôm | 19,924,702 |
| Hàng Hải sản | 8,560,122 |
| Hàng hoá khác | 206,200 |
| Hàng rau quả | 3,356,067 |
| Máy móc thiết bị, dụng cụ & phụ tùng | 2,753,790 |
| Hạt tiêu | 3,717,523 |
| Sản phẩm hoá chất | 4,864,718 |
| Xi măng | 1,266,000 |
| Chất dẻo nguyên liệu | 110,600 |
| Gạo | 5,199,868 |
| Giày dép các loại | 802,153 |
| Sản phẩm dệt may | 473,307 |
| Sản phẩm gỗ | 826,409 |
| Bánh, kẹo & sản phẩm từ ngũ cốc | 274,615 |
| Dao cạo râu và bộ phận | 711,615 |
| Vải | 612,372 |
| Lưới đánh cá | 280,917 |
| Cao su | 366,355 |
| Chè | 28,800 |
| Hạt điều | 1,067,865 |
| Quế | 1,089,732 |
| LK ô tô CKD, SKD dưới 12 chỗ ngồi | 1,588,623 |
| Giấy các loại | 91,731 |
| Đĩa lưu trữ thông tin thuộc nhóm 85234 | 88,165 |
| Vải mảnh vải kỹ thuật khác | 86,522 |
| Sản phẩm từ cao su | 8,817 |
| Sắt thép các loại | 61,050 |
| SP kim loại thường | 5,074 |
| Sản phẩm sắt thép | 923,628 |
| Tinh bột sắn | 55,350 |
| Hoa hồi | 107,663 |
| Máy khâu gia đình và bộ phận thuộc mã 8452 | 395,121 |
| Nguyên phụ liệu dệt may, da & giày | 13,970 |
| Túi xách, ví, vali, mũ & ô dù | 133,980 |

| | |
|---|--------------------|
| Sản phẩm chất dẻo | 99,120 |
| Giày dép các loại | 93,159 |
| Sợi các loại | 114,894 |
| Cấu kiện nhà lắp ghép | 69,659 |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện | 194,128 |
| Tổng cộng | 193,132,351 |

Nguồn: Tổng Cục hải quan Việt Nam

Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Algeria năm 2018

| Mặt hàng | Kim ngạch (USD) |
|--------------------------------------|------------------------|
| Hàng hoá khác | 3,144,473 |
| Hạt điều | 121,554 |
| Máy móc thiết bị, dụng cụ & phụ tùng | 39,888 |
| Giấy phế liệu | 381,893 |
| Hàng rau quả | 46,609 |
| Thức ăn gia súc & nguyên liệu | 20,654 |
| Tân dược | 21,750 |
| Tổng cộng | 3,776,821 |

Nguồn: Tổng Cục hải quan Việt Nam